

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DSPT

Ngày 19-6-2020

“V/v tranh chấp đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Trong các ngày 12 tháng 6 và 19 tháng 6 năm 2020 (tuyên án ngày 19-6-2020), tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 12/2019/TLPT-DS ngày 05/8/2019; do có kháng cáo của bị đơn ông Phan Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan T đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 27/5/2019 của TAND huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh, theo Thông báo mở lại phiên tòa số 07a/2020/TB-TA ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1954; trú tại: thôn Lộc H, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

2. Chị Dương Thị H, sinh năm: 1978; trú tại: thôn Lộc H, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

3. Chị Dương Thị L, sinh năm: 1980; trú tại: thôn Tân C, xã E, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

4. Anh Dương N, sinh năm: 1985; trú tại: số nhà 16, đường Nguyễn Hữu T, phường Tân L, TP.Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

5. Anh Dương Minh N, sinh năm: 1976; trú tại: thôn Quảng A, xã Ea H, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn: Anh Dương Minh N

Bị đơn: Ông Phan Q, sinh năm: 1960; trú tại: thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Trần Đình L và ông Nguyễn Ngọc Á – Công ty Luật TNHH Mai S, tầng 2 số 78 đường Phan Đình P, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh.(có mặt ông Trần Đình L)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan T, sinh năm: 1924; trú tại: thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Phan T: anh Phan Văn T; trú tại: thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1924; trú tại: thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

3. Bà Phan Thị C; trú tại: thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Đặng Đôn N, sinh năm: 1977; trú tại: xã Thạch K, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

2. Ông Dương Thanh H, sinh năm: 1967 (vắng mặt)

3. Ông Phạm Hồng Đ, sinh năm: 1957 (có mặt)

4. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1968 (có mặt)

5. Ông Dương T, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Đều trú tại: thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Ông Dương Thanh B; trú tại: thôn Tân H, xã E, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

7. Bà Dương Thị T, sinh năm: 1950; trú tại: thôn Hồng T, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

8. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1948 (vắng mặt)

9. Ông Hoàng Công D, sinh năm: 1950 (có mặt)

10. Ông Nguyễn C, sinh năm: 1951 (có mặt)

11. Ông Dương Thế N, sinh năm: 1954 (có mặt)

12. Ông Hoàng Công H, sinh năm: 1950 (có mặt)

13. Ông Phan Văn H, sinh năm: 1954 (có mặt)

Đều trú tại: thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh

Người tham gia tố tụng khác:

1. Anh Dương Văn Th – Cán bộ địa chính UBND xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

2. Anh Phan Văn T - Cán bộ Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

3. Đại diện UBND xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

4. Đại diện UBND huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 27/5/2019 của TAND huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Đại diện các đồng nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ các nguyên đơn là ông Dương Minh T và bà Trần Thị L được Nhà nước cấp cho thửa đất có diện tích đất 512m² thuộc thửa số 284, tờ bản đồ số 1, bản đồ 299, Hợp tác xã Nam S. Gia đình anh đã sinh sống trên thửa đất đó đến năm 1992, thì chuyển vào Đăk Lăk sinh sống. Năm 1996, bố anh về bán nhà cho người khác tháo dỡ. Năm 2007, bố anh về hiến 325m² đất cho dòng họ làm nhà thờ. Phần diện tích đất còn lại để không. Gia đình ông Phan Q đã sử dụng diện tích đất đó để trồng hoa màu. Năm 2018, gia đình anh về đổ đá xây nhà thì bị gia đình ông Phan Q cản trở không cho xây dựng, vì vậy các đồng nguyên đơn yêu cầu ông Phan Q trả lại phần đất còn lại thuộc thửa số 284, tờ bản đồ số 1, bản đồ 299, tại thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, Hà Tĩnh.

Bị đơn ông Phan Q trình bày: Thửa đất đang tranh chấp là do bố ông- Ông Phan T mua lại của ông Dương Thanh B vào năm 1993, với giá 15.000đ. Lúc mua hai bên chỉ viết giấy chuyển nhượng tay. Sau khi mua, gia đình ông đã cho nhiều người sử dụng trồng hoa màu. Trước thời điểm tranh chấp, gia đình ông có trồng xi lau và hoa màu. Tuy nhiên, từ khi tranh chấp đến nay thì gia đình ông không trồng nữa. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan T trình bày: Trước đây, gia đình ông và gia đình ông T sống cách nhau một con đường. Sau khi ông T và gia đình ông B vào N sinh sống thì ông mua lại đất của ông B. Lúc đó, vườn của ông giáp vườn ông B, còn phía bên kia đường, có vườn ông T và vườn của cha ông B. Bốn vườn cách biệt và ở hai bên đường. Việc tranh chấp là do ranh giới không rõ ràng, nay ông đề nghị Tòa án xác định lại ranh giới để anh N được hưởng phần đất của ông T, còn ông được hưởng phần đất đã mua của anh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan T trình bày: Gia đình ông T, bà L đã chuyển vào N sinh sống nên thửa đất tranh chấp đã được gia đình ông Q và ông T sử dụng và cho người khác sử dụng 27 năm nay. Khi chỉnh lý Bản đồ địa chính năm 2012 thể hiện, thửa đất đó không còn tồn tại mà thể hiện là 2 thửa, một thửa của nhà thờ họ Dương V và một thửa của ông Phan Q, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người làm chứng ông Dương Thanh H, ông Phạm Hồng Đ, ông Nguyễn Xuân T đều trình bày: Các ông từng có thời gian canh tác trên thửa đất đang tranh chấp, trước khi làm điều hỏi ý kiến của ông T.

Người làm chứng ông Đặng Đôn N - nguyên là cán bộ địa chính xã Thịnh L trình bày: Thửa đất đang tranh chấp được ghi tên chủ sử dụng trong sổ mục kê là ông T, theo bản đồ địa chính năm 2012 thì do ông Q kê khai.

Quá trình xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm tại Ủy ban nhân dân xã Thịnh L cung cấp: Thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa số 284, tờ bản đồ 299, hợp tác xã Nam S, diện tích 512m², theo sổ mục kê 299 chủ sử dụng đất là “T”, loại đất T (đất thổ cư). Theo bản đồ chính quy thửa đất này thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 65, diện tích 244m² do ông Phan Q kê khai, một phần thửa đất 284, bản đồ 299 về phía Đông Nam (nay thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 65) hiện nay họ Dương V đã làm nhà thờ. Đối chiếu Bản đồ 299 và bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 thể hiện xung quanh thửa đất 284, tờ bản đồ số 1, nay được chỉnh lý thành thửa số 98 và 99, tờ bản đồ số 65 không có thửa đất nào mang tên bố của ông Phan Thanh B như lời trình bày của ông Phan T là đã mua đất của ông B.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ thể hiện: Thửa đất tranh chấp có diện tích 202,9m², có tứ cận phía Đông Bắc giáp đất ông Hoàng D dài 26,14m²; phía Tây Bắc giáp đường bê tông dài 7,45m², phía Tây Nam giáp khuôn viên nhà thờ họ Dương V dài 23,45m; phía Đông Nam giáp đất ông Nguyễn Xuân T dài 9,56m.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 27-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc H đã xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, điều 233, khoản 1 Điều 579; khoản 1 Điều 580 Bộ luật dân sự; điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; khoản 2 Điều 244; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Minh N và các đồng nguyên đơn. Buộc ông Phan Q hoàn trả cho gia đình anh Dương Minh N 202,9m² đất tại vị trí phía Đông- Bắc thửa số 284, tờ bản đồ số 1, bản đồ 299, hợp tác xã Nam Sơn, nay thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 65, bản đồ địa chính đo vẽ năm 2012, thuộc địa phận thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (có tứ cận). Tạm giao cho anh Dương Minh N quản lý thửa đất, anh N và gia đình có nghĩa vụ làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/6/2019, bị đơn ông Phan Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan T kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc H.

Tại cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C trình bày: Việc cấp sơ thẩm không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là vi phạm, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà và người khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc H vì bỏ sót người tham gia tố tụng, đã xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thu thập tài liệu chứng cứ chưa bảo đảm, chưa làm rõ diện tích tăng thêm 26,9m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 27/5/2019 của TAND huyện Lộc H, giao hồ sơ cho TAND huyện Lộc H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp đất đai và thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo bỏ sót người tham gia tố tụng của ông Phan Q và ông Phan T:

Ông Phan Q và ông Phan T đều cho rằng cần phải đưa bà Phan Thị C - vợ của ông Q và bà Nguyễn Thị G vợ của ông T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thấy rằng:

Đối với ông Phan Q: Tại bản tự khai (Bút lục số 37) và quá trình giải quyết vụ án, ông cũng như những người đã từng canh tác trên thửa đất tranh chấp đều trình bày: Thửa đất này đã được nhiều người thay nhau canh tác trồng hoa màu. Trước thời điểm tranh chấp gia đình ông Q đang trồng xi lau và hoa màu, tuy nhiên từ thời điểm tranh chấp đến nay gia đình ông không canh tác, còn móng nhà mà gia đình ông đã xây dựng trái phép trên thửa đất tranh chấp thì ủy ban nhân dân xã đã cưỡng chế tháo dỡ. Như vậy, trên thửa đất này không còn tài sản

của gia đình ông. Quá trình hòa giải và giải quyết tại cấp sơ thẩm ông không yêu cầu nguyên đơn trả tiền công tôn tạo thửa đất.

Đối với ông Phan T, ông cho rằng vợ chồng ông đã mua thửa đất này của ông Phan Thanh B với giá 15.000đ vào năm 1993, tuy nhiên ông không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh có việc mua bán giữa gia đình ông và ông B. Gia đình ông Phan Q hay ông Phan T đều chưa được Nhà nước thừa nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất tranh chấp này.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự thì “*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự là người tuy không yêu cầu giải quyết việc dân sự nhưng việc giải quyết dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ*”. Việc cấp sơ thẩm không đưa bà Phan Thị C và bà Nguyễn Thị G vào tham gia tố tụng là có thiếu sót, tuy nhiên thiếu sót này không làm thay đổi bản chất vụ án và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà G, bà C. Tại cấp phúc thẩm, đã đưa bà C, bà G vào tham gia tố tụng, nên thiếu sót của cấp sơ thẩm đã được khắc phục.

[2.2] Về việc đánh giá, thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm:

Cấp sơ thẩm đã xác minh thu thập các tài liệu, chứng cứ thể hiện hiện trạng và nguồn gốc của thửa đất tranh chấp như sổ mục kê 299, bản đồ số 65, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, sổ địa chính và lấy lời khai của những người làm chứng như ông Đặng Đôn N- nguyên là cán bộ địa chính xã Thịnh L, Dương Thanh H, ông Phạm Hồng Đ, ông Nguyễn Xuân T. Theo đó, nguồn gốc của thửa đất tranh chấp là của ông Dương Minh T. Gia đình ông T đã sinh sống cho đến năm 1992.

Việc gia đình ông T sinh sống trên thửa đất này đến năm 1992 đều được ông Q và ông T thừa nhận. Việc tranh chấp chỉ phát sinh từ năm 2007 nên việc thu thập tài liệu trước năm 1992 là không cần thiết.

Ông Phan Q và ông Phan T cho rằng, trước đây ông B đã sử dụng thửa đất này và ông T đã mua lại của ông B, tuy nhiên thửa đất này không thuộc quyền sử dụng của ông B. Sổ địa chính, sổ mục kê đều thể hiện rõ, chủ sử dụng đất là T. Theo trích lục bản đồ địa chính thì phía đông thửa đất 284 (thửa đất tranh chấp) là thửa 285, chủ sử dụng đất là D, phía tây thửa đất 284 là thửa 283, chủ sử dụng là ông L, phía Bắc thửa 284 là thửa 251 mang tên ông B và thửa 250 mang tên ông Q. Ranh giới giữa thửa 284 và 250 và 251 là 1 con đường. Như vậy đất của ông B là thửa 251 chứ không phải 284, không thể hiện thửa đất nào đứng tên cha của ông B nên ông B không có quyền bán thửa đất 284 cho ông T. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm, ông B đã gửi văn bản thừa nhận việc bán thửa đất này cho ông T và cho rằng thửa đất này là của bố mẹ ông cho ông. Những người làm chứng trình bày bố mẹ ông B đã từng sinh sống trên thửa đất này một thời gian nhưng việc bố mẹ ông B có thời gian sinh sống trên thửa đất này không có

nghĩa bố mẹ ông là chủ sử dụng thửa đất, bởi nguồn gốc thửa đất đã thể hiện rõ chủ sử dụng là “T”. Bố mẹ ông cũng không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất này. Nên, nếu có việc mua bán thửa đất này giữa ông T và ông B thì cũng không được thừa nhận. Mặt khác, theo sổ địa chính xã Thịnh L thì thửa đất 284 chưa được đăng ký kê khai, các ông Phan T, Phan Q hay ông Phan Thanh B đều không đăng ký kê khai thửa đất này. Nên có cơ sở khẳng định, ông T, ông Q hay ông B đều không phải chủ sở hữu thửa đất đang tranh chấp.

[2.3] Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Tại Bản đồ 299 giữa thửa 284 và 285 có 01 đoạn đường làm ranh giới giữa gia đình ông T và ông Hoàng D, phía sau là gia đình ông Nguyễn Xuân T. Từ trước đến năm 1992 cả 3 gia đình trên cũng không sử dụng. Hiện nay không còn có con đường này.

Theo Bản đồ chính quy được đo vẽ năm 2012 tại thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H cũng như kết quả thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 284, tờ bản đồ số 01, Bản đồ 299 Hợp tác xã Nam S có diện tích 512m² nay thể hiện tại thửa 98, 99 tờ bản đồ 65 Bản đồ chính quy năm 2012 thì có diện tích 538,9m². Xét thấy sự chênh lệch này như quan điểm của chính quyền địa phương là do sai số trong quá trình đo vẽ cũng như sự biến động về sử dụng đất của 2 gia đình liên kề, nay đã có ranh giới không tranh chấp, phần diện tích thửa này không thuộc quản lý của ủy ban nhân dân xã.

Do đó, phần đất chênh lệch 26,9m² này cần giao cho người có nguồn gốc sử dụng đất hưởng lợi.

Ngoài ra, ông Q và ông T cho rằng cấp sơ thẩm tuyên giao cho nguyên đơn 202,9m² là đã tuyên vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn vì so với diện tích đất ban đầu của ông T và diện tích đo đạc thực tế hiện nay còn thừa 26,9m² trong khi đó nguyên đơn chỉ khởi kiện đòi lại đủ diện tích 512m² (chưa trừ diện tích đã hiến cho nhà thờ) thấy rằng: Tại biên bản hòa giải lần 2 thể hiện, anh Dương Minh N yêu cầu ông Q trả lại toàn bộ diện tích thửa đất 284 và chấp nhận đền bù công phục hóa bảo quản đất cho ông Q. Cấp sơ thẩm căn cứ diện tích đo đạc thực tế của thửa đất để tuyên xử là có cơ sở và không vượt quá phạm vi khởi kiện.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Dương Minh T, nhưng gia đình ông T đã có một khoảng thời gian không sử dụng và quản lý đất. Quá trình đó, gia đình ông Phan Q và một số hộ khác thay nhau canh tác, tuy nhiên không có hộ nào đăng ký kê khai thửa đất này và không có hộ nào thực hiện nghĩa vụ tài chính. Vì vậy, cần căn cứ nguồn gốc đất để xác định chủ sử dụng đất hợp pháp của thửa đất đang tranh chấp là ông Dương Minh T và bà Trần Thị L nên kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan cũng như ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về đường lối giải quyết vụ án không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Xử: không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc H.

Áp dụng khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, điều 233, khoản 1 Điều 579; khoản 1 Điều 580 Bộ luật dân sự; điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; khoản 2 Điều 244; điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Minh N và các đồng nguyên đơn. Buộc ông Phan Q hoàn trả cho gia đình anh Dương Minh N 202,9m² đất tại vị trí phía Đông- Bắc thửa số 284, tờ bản đồ số 1, bản đồ 299, hợp tác xã Nam S, nay thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 65, bản đồ địa chính đo vẽ năm 2012, thuộc địa phận thôn Nam S, xã Thịnh L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh, có tứ cận: phía Đông Bắc giáp đất ông Hoàng D dài 26,14m²; phía Tây Bắc giáp đường bê tông dài 7,45m², phía Tây Nam giáp khuôn viên nhà thờ họ Dương V dài 23,45m; phía Đông Nam giáp đất ông Nguyễn Xuân T dài 9,56m. (Có bản sao trích đo thửa đất kèm theo).

Tạm giao cho anh Dương Minh N quản lý thửa đất, anh N và gia đình có quyền và nghĩa vụ làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc ông Phan Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm (đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai số 0002930 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh) nay còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Ông Phan T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông 300.000đ tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai số 0002929 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh.

Trả lại cho anh Dương Minh N 700.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001732 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Lộc H
- Chi cục THA.DS huyện Lộc H
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hải